

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mô	Chủ tịch (miễn nhiệm và giữ chức vụ Ủy viên ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Đỗ Văn Cường	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Phạm Chu Tứ	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Chu Tứ	Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2013)
Ông Vũ Văn Duẩn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Chu Tứ
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

Số: 356 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2013, từ trang 5 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang thực hiện dự án "Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát" tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, khối lượng thi công thực tế đã hoàn thành vượt cao hơn thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết là do Công ty thực hiện thêm các phần việc phát sinh theo yêu cầu của PVC trong quá trình thi công. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nếu được PVC phê duyệt khối lượng thi công theo số đã được thẩm định bởi Viện Kinh tế Xây dựng thì doanh thu còn được ghi nhận 63.641 triệu VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của dự án này trong 6 tháng đầu năm 2013 do chưa có thỏa thuận chính thức với PVC.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả định công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ ngắn hạn của công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 212.984.163.806 VND, số lỗ lũy kế của công ty là 249.037.088.440 VND. Trong 6 tháng đầu năm 2013 công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 12 tháng tới, khả năng tìm kiếm các hợp đồng mới và tăng cường thu hồi nợ phải thu. Kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày trong Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2012, công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền 16.114.334.727 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, phần trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này chưa được xác định cụ thể. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào (có thể có) phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn nêu trên.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 22 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		392.504.590.831	511.047.719.922
I. Tiền	110	5	5.121.121.735	6.865.073.712
1. Tiền	111		5.121.121.735	6.865.073.712
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		233.537.894.141	284.533.275.466
1. Phải thu khách hàng	131		104.011.052.830	124.406.434.138
2. Trả trước cho người bán	132		20.020.088.044	19.067.788.666
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	119.998.303.772	136.842.352.027
4. Các khoản phải thu khác	135		3.303.497.023	6.653.166.638
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.795.047.528)	(2.436.466.003)
III. Hàng tồn kho	140	7	120.444.022.514	182.716.680.733
1. Hàng tồn kho	141		120.444.022.514	182.716.680.733
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.401.552.441	36.932.690.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		561.625.951	1.690.039.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.128.320.040	14.953.339.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.025.186.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.686.420.450	20.289.310.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		196.024.527.523	206.284.708.227
I. Tài sản cố định	220		152.809.382.508	160.379.720.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	140.970.618.990	155.451.962.496
- Nguyên giá	222		207.716.727.486	215.326.732.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.746.108.496)	(59.874.770.255)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.361.100.958	2.277.666.041
- Nguyên giá	228		2.477.491.613	2.374.524.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(116.390.655)	(96.858.505)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		9.477.662.560	2.650.091.920
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35.634.061.505	35.526.326.649
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	24.334.061.505	24.226.326.649
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	11.300.000.000	11.300.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.581.083.510	10.378.661.121
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.581.083.510	10.378.661.121
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		588.529.118.354	717.332.428.149

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		684.423.001.964	671.169.323.287
I. Nợ ngắn hạn	310		605.488.754.637	611.540.305.043
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	133.537.436.273	157.906.830.586
2. Phải trả người bán	312		152.881.477.650	172.675.803.200
3. Người mua trả tiền trước	313	12	209.695.508.527	204.269.810.821
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.218.221.825	19.842.079.354
5. Phải trả người lao động	315		2.172.562.836	783.831.697
6. Chi phí phải trả	316		89.977.323.156	40.202.981.781
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		16.243.606.115	15.999.449.349
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(237.381.745)	(140.481.745)
II. Nợ dài hạn	330		78.934.247.327	59.629.018.244
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	78.934.247.327	59.629.018.244
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(95.893.883.610)	46.163.104.862
I. Vốn chủ sở hữu	410		(95.893.883.610)	46.163.104.862
1. Vốn điều lệ	411	15	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	1.037.168.132	1.037.168.132
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	2.106.036.698	2.354.415.829
4. Lỗ lũy kế	420	15	(249.037.088.440)	(107.228.479.099)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		588.529.118.354	717.332.428.149



Phạm Chu Tứ
 Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

(Handwritten signature)

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Đỗ Thị Thu Hà
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	48.508.396.784	128.477.591.705
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	139.098.985.008	119.260.625.063
3. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(90.590.588.224)	9.216.966.642
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		34.222.119	43.019.362
5. Chi phí tài chính	22		20.689.432.908	26.207.607.691
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.622.292.239	25.613.208.577
6. Chi phí bán hàng	24		564.760.780	380.002.343
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.203.618.102	10.862.324.770
8. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-(24+25))	30		(138.014.177.895)	(28.189.948.800)
9. Thu nhập khác	31		716.336.972	461.600.721
10. Chi phí khác	32		5.528.503.814	1.138.120.374
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(4.812.166.842)	(676.519.653)
12. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		1.418.084.480	848.388.028
13. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(141.408.260.257)	(28.018.080.425)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
15. Lỗ sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(141.408.260.257)	(28.018.080.425)
16. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(9.427)	(1.868)



Phạm Chu Tú
 Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lỗ trước thuế	01	(141.408.260.257)	(28.018.080.425)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	9.629.277.415	10.436.769.112
- Các khoản dự phòng	03	11.358.581.525	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(132.920.790)	524.999.590
- Chi phí lãi vay	06	20.622.292.239	25.613.208.577
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(99.931.029.868)	8.556.896.854
- Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	41.692.590.745	7.144.349.894
- Thay đổi hàng tồn kho	10	62.254.506.435	(31.035.039.808)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.541.889.069)	677.700.751
- Thay đổi chi phí trả trước	12	4.412.268.255	4.680.176.646
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.835.647.097)	(10.976.672.245)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.458.498.300	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.992.270.382)	(270.385.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.517.027.319	(21.222.973.394)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(222.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.515.275.309
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.185.934	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(196.814.066)	1.515.275.309
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.174.367.305	81.424.510.680
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.238.532.535)	(69.144.721.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.064.165.230)	12.279.789.154
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.743.951.977)	(7.427.908.931)
Tiền đầu kỳ	60	6.865.073.712	9.712.289.087
Tiền cuối kỳ	70	5.121.121.735	2.284.380.156



Phạm Chu Tứ
Giám đốc

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLTK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 5 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 256 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 212.984.163.806 VND, số lỗ lũy kế của công ty là 249.037.088.440 VND. Trong kỳ, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty, cùng với sự hỗ trợ của Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đã có kế hoạch tìm kiếm thêm các hợp đồng xây lắp mới, cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng, tăng cường việc thu hồi nợ phải thu. Ban Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tạo đủ nguồn tiền để tự tài trợ cho hoạt động của mình. Theo chiến lược phát triển và kế hoạch đầu tư đến năm 2015 của Tổng Công ty Xây lắp dầu khí (“PVC”), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung sẽ là một trong những công ty được hỗ trợ trong quá trình tái cấu trúc Tổng Công ty dựa trên cơ sở sắp xếp lại doanh nghiệp. Vì vậy, Ban Giám đốc đánh giá, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ có khoản lỗ tính thuế khoảng 249 tỷ VND có thể mang sang để bù trừ liên tục với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm tới. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	141.898.747	757.924.229
Tiền gửi ngân hàng	4.979.222.988	6.107.149.483
	<u>5.121.121.735</u>	<u>6.865.073.712</u>

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy điện Vũng Áng Hà Tĩnh	99.703.429.487	99.703.429.487
Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin	19.741.954.541	22.727.272.727
Các công trình khác	552.919.744	14.411.649.813
	<u>119.998.303.772</u>	<u>136.842.352.027</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.832.018.491	10.772.536.283
Công cụ, dụng cụ	882.537.993	1.005.051.804
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.132.686.767	165.511.591.967
Thành phẩm	3.596.779.263	4.899.744.136
Hàng hóa	-	527.756.543
	<u>120.444.022.514</u>	<u>182.716.680.733</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>120.444.022.514</u>	<u>182.716.680.733</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	64.155.506.275	122.965.683.512	19.021.386.092	1.508.999.380	7.675.157.492	215.326.732.751
Mua sắm mới	-	222.000.000	-	-	-	222.000.000
Điều chỉnh theo quyết toán	5.468.577.671	(10.137.689.512)	164.498.269	-	(120.357.094)	(4.624.970.666)
Phân loại lại	-	(2.860.979.592)	3.028.760.000	20.614.545	(188.394.953)	-
Giảm khác	-	(416.434.994)	(186.714.286)	-	-	(603.149.280)
Giảm theo Thông tư 45	-	(2.059.429.528)	-	(506.965.790)	(37.490.000)	(2.603.885.318)
Tại ngày 30/6/2013	69.624.083.946	107.713.149.886	22.027.930.075	1.022.648.135	7.328.915.445	207.716.727.486
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	7.943.728.098	33.558.341.655	13.044.377.086	1.191.122.383	4.137.201.033	59.874.770.255
Khấu hao trong năm	5.032.165.979	2.640.450.488	1.345.430.346	162.105.980	409.947.503	9.590.100.296
Phân loại lại	-	(45.798.678)	65.165.385	(19.366.707)	-	-
Giảm khác	-	(397.571.358)	(186.714.286)	-	-	(584.285.644)
Giảm theo Thông tư 45	-	(1.683.882.641)	-	(419.074.399)	(31.519.371)	(2.134.476.411)
Tại ngày 30/6/2013	12.975.894.077	34.071.539.466	14.268.258.531	914.787.257	4.515.629.165	66.746.108.496
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/6/2013	56.648.189.869	73.641.610.420	7.759.671.544	107.860.878	2.813.286.280	140.970.618.990
Tại ngày 31/12/2012	56.211.778.177	89.407.341.857	5.977.009.006	317.876.997	3.537.956.459	155.451.962.496

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.298.321.554 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.170.301.958 VND).

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ VND. Thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	45,5	45,5	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Ban Giám đốc đánh giá không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư này do đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	126.819.856.500	131.552.623.200
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>72.780.434.336</i>	<i>73.726.475.229</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>25.095.016.869</i>	<i>28.828.319.922</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	<i>13.244.216.949</i>	<i>13.244.216.949</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh</i>	<i>15.700.188.346</i>	<i>15.753.611.100</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	6.717.579.773	26.354.207.386
	<u>133.537.436.273</u>	<u>157.906.830.586</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 9%/năm đến 18%/năm.

Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng bảo lãnh số 21/2011/HĐBL.NH-PVCMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và các phụ lục. Các khoản vay còn lại được bảo đảm bằng quyền thu các khoản phải thu của Công ty.

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án “Thị công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 185.335.922.425 VND (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 173.809.450.539 VND).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	624.897.377	1.599.250.657
Thuế thu nhập cá nhân	582.407.558	560.619.851
Thuế bảo vệ môi trường (i)	-	17.671.291.956
Thuế tài nguyên	10.916.890	10.916.890
	<u>1.218.221.825</u>	<u>19.842.079.354</u>

(i) Ngày 18 tháng 3 năm 2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 30/2013/TT-BTC, hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường áp dụng cho một số trường hợp. Theo đó, toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường mà đơn vị đã nộp trong năm 2012 sẽ được hoàn, đồng thời, không truy nộp thuế bảo vệ môi trường của năm 2012 đơn vị đã kê khai nhưng chưa nộp. Trong kỳ, đơn vị đã ghi nhận điều chỉnh thuế bảo vệ môi trường phải nộp theo hướng dẫn của Thông tư trên.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	82.408.347.325	82.739.745.855
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>4.168.870.917</i>	<i>4.500.269.447</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương</i>	<i>78.239.476.408</i>	<i>78.239.476.408</i>
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	3.243.479.775
	<u>85.651.827.100</u>	<u>85.983.225.630</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi và mua sắm máy móc thiết bị. Các khoản vay chịu lãi suất từ 12%/năm đến 18,5%/năm. Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Dương được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.717.579.773	26.354.207.386
Trong năm thứ hai	10.694.770.919	16.389.541.834
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.000.000.000	43.239.476.410
Sau năm năm	20.239.476.408	-
	85.651.827.100	85.983.225.630
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	6.717.579.773	26.354.207.386
Số phải trả sau 12 tháng	78.934.247.327	59.629.018.244

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn cổ phần

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối /(Lỗ lũy kế)
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	430.000.000	1.100.000.000	5.754.906.759
Lỗ trong năm	-	-	-	(109.654.668.940)
Tăng trong năm	-	607.168.132	1.254.415.829	-
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(2.906.930.485)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(421.786.433)
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.354.415.829	(107.228.479.099)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(141.408.260.257)
Sử dụng quỹ trong kỳ (i)	-	-	(248.379.131)	-
Giảm khác	-	-	-	(400.349.084)
Tại ngày 30/6/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.106.036.698	(249.037.088.440)

(i) Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp giá trị hàng tồn kho bị hỏng hóc theo Biên bản kiểm kê tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51	76.500.000.000
2	Các cổ đông khác	7.350	49	73.500.000.000
	Cộng	15.000	100	150.000.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty tổ chức bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở các công ty hoạt động tương đối riêng biệt theo ngành nghề kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 02 bộ phận kinh doanh sau:

- Xây dựng và cung cấp vật tư xây dựng: Công ty mẹ
- Sản xuất bao bì: Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất

Thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013:

Chỉ tiêu	Hoạt động	Sản xuất	Loại trừ	Cộng
	xây dựng	bao bì		
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền	2.451.179.049	2.669.942.686	-	5.121.121.735
Các khoản phải thu ngắn hạn	308.277.208.456	6.096.799.851	(80.836.114.166)	233.537.894.141
Hàng tồn kho	108.371.041.832	12.072.980.682	-	120.444.022.514
Tài sản ngắn hạn khác	30.803.523.363	2.598.029.078	-	33.401.552.441
Tài sản cố định	48.237.445.857	104.571.936.651	-	152.809.382.508
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	85.634.061.505	-	(50.000.000.000)	35.634.061.505
Tài sản dài hạn khác	7.264.560.413	316.523.097	-	7.581.083.510
Tổng Tài sản hợp nhất	591.039.020.475	128.326.212.045	(130.836.114.166)	588.529.118.354
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	595.545.476.168	90.779.392.635	(80.836.114.166)	605.488.754.637
Nợ dài hạn	78.934.247.327	-	-	78.934.247.327
Vốn chủ sở hữu	(83.440.703.020)	37.546.819.410	(50.000.000.000)	(95.893.883.610)
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	591.039.020.475	128.326.212.045	(130.836.114.166)	588.529.118.354

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013:

Chỉ tiêu	Hoạt động	Sản xuất	Loại trừ	Cộng
	xây dựng	bao bì		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	14.822.905.013	33.685.491.771	-	48.508.396.784
Chi phí kinh doanh	134.518.371.266	31.348.992.624	-	165.867.363.890
- Giá vốn hàng bán	109.828.707.027	29.270.277.981	-	139.098.985.008
- Chi phí bán hàng	107.069.441	547.603.360	(89.912.021)	564.760.780
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.582.594.798	1.531.111.283	89.912.021	26.203.618.102
Kết quả kinh doanh bộ phận	(119.695.466.253)	2.336.499.147	-	(117.358.967.106)
Doanh thu hoạt động tài chính	23.346.636	10.875.483	-	34.222.119
Chi phí hoạt động tài chính	14.464.650.958	6.224.781.950	-	20.689.432.908
Lỗ khác	(4.604.871.419)	(207.295.423)	-	(4.812.166.842)
Lợi nhuận trong công ty liên kết				1.418.084.480
Lợi nhuận trước thuế				(141.408.260.257)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(141.408.260.257)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	14.822.905.013	58.206.068.856
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	33.685.491.771	70.271.522.849
	48.508.396.784	128.477.591.705

Công ty hiện đang thực hiện dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15 tháng 12 năm 2009 và Phụ lục Hợp đồng số 08 ngày 28 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị là 196.450.725.322 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Trong quá trình thi công, theo yêu cầu của PVC, Công ty đã thi công thêm một số các hạng mục khác hoặc thi công các hạng mục có thay đổi so với các điều khoản đã ký trong hợp đồng gốc. Tuy nhiên khối lượng phát sinh thêm này chưa được hai bên ký thỏa thuận chính thức, mặc dù công việc thi công đã hoàn thành. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng khối lượng đã thi công ước tính khoảng 260.223.552.074 VND (chưa bao gồm thuế GTGT), giá trị này đã được Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng) thẩm tra theo Công văn số 342/VKT-TTTV ngày 15 tháng 4 năm 2013 và Công văn số 938/VKT-TTTV ngày 19 tháng 7 năm 2013. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, doanh thu lũy kế của dự án này đã được Công ty ghi nhận là 196.582.138.645 VND. Nếu được PVC phê duyệt khối lượng thi công theo số đã được thẩm định bởi Viện Kinh tế Xây dựng thì doanh thu còn được ghi nhận là khoảng 63.641.413.429 VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của dự án này trong 6 tháng đầu năm 2013 do chưa có thỏa thuận chính thức với PVC. Số tiền Công ty đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng từ PVC là 289.585.307.384 VND. Doanh thu và giá vốn liên quan tới công trình này sẽ tiếp tục được ghi nhận khi có sự thống nhất giữa Công ty và PVC.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	109.828.707.027	55.581.387.421
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	29.270.277.981	63.679.237.642
	139.098.985.008	119.260.625.063

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.055.173.705	71.051.379.102
Chi phí nhân công	15.746.601.742	13.846.973.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.450.831.330	10.424.355.570
Chi phí dự phòng các khoản phải thu	11.358.581.525	-
Chi phí trả trước	4.413.630.928	5.439.811.533
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	35.463.639.460	5.031.751.841
	103.488.458.690	105.794.271.133

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2013 của đơn vị đang lỗ. Do đó, không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(141.408.260.257)	(28.018.080.425)
Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(141.408.260.257)	(28.018.080.425)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(9.427)	(1.868)

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 14, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	212.471.683.600	217.535.848.830
Trừ: Tiền	5.121.121.735	6.865.073.712
Nợ thuần	207.350.561.865	210.670.775.118
Vốn chủ sở hữu	(95.893.883.610)	46.163.104.862
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	4,56

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	5.121.121.735	6.865.073.712
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	213.517.806.097	265.465.486.800
Đầu tư dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	229.938.927.832	283.630.560.512
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	212.471.683.600	217.535.848.830
Phải trả người bán và phải trả khác	169.125.083.765	188.675.252.549
Chi phí phải trả	89.977.323.156	40.202.981.781
Tổng cộng	471.574.090.521	446.414.083.160

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng/giảm khoảng 2.105 triệu VND.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

2011
CÔNG
HÀNH
TÀI
CHÍNH
VIỆT
NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
30/6/2013				
Tiền	5.121.121.735	-	-	5.121.121.735
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	213.517.806.097	-	-	213.517.806.097
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	-	11.300.000.000
Tổng cộng	218.638.927.832	11.300.000.000	-	229.938.927.832
30/6/2013				
Các khoản vay và nợ	133.537.436.273	58.694.770.919	20.239.476.408	212.471.683.600
Phải trả người bán và phải trả khác	169.125.083.765	-	-	169.125.083.765
Chi phí phải trả	89.977.323.156	-	-	89.977.323.156
Tổng cộng	392.639.843.194	58.694.770.919	20.239.476.408	471.574.090.521
Chênh lệch thanh khoản thuần	(174.000.915.362)	(47.394.770.919)	(20.239.476.408)	(241.635.162.689)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền	6.865.073.712	-	-	6.865.073.712
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	265.465.486.800	-	-	265.465.486.800
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	-	11.300.000.000
Tổng cộng	272.330.560.512	11.300.000.000	-	283.630.560.512
31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	157.906.830.586	59.629.018.244	-	217.535.848.830
Phải trả người bán và phải trả khác	188.675.252.549	-	-	188.675.252.549
Chi phí phải trả	40.202.981.781	-	-	40.202.981.781
Tổng cộng	386.785.064.916	59.629.018.244	-	446.414.083.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	(114.454.504.404)	(48.329.018.244)	-	(162.783.522.648)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng, các kế hoạch tài chính của Công ty trong thời gian tới sẽ giúp công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	5.468.864.298
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	31.922.006.633	42.730.360.581
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	-	1.867.731.000
Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	2.572.564.201	-
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	8.697.612.336
Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	10.053.365.498
Công ty CP kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí	1.737.986.697	-
Tổng công ty dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí - CTCP	3.112.812.846	-
	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>
	VND	VND
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	344.248.217
Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	897.599.252	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	16.080.637.375	-
Lãi vay		
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí - CN Đà Nẵng	8.638.478.082	2.045.174.498

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm	VND	VND
Lương	242.027.115	661.323.454
 Số dư với các bên liên quan:		
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	970.805.427	1.706.478.727
Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	3.769.347.806	-
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	4.928.454.700	4.928.454.700
Công ty CP Xây lắp đường ống bể chứa dầu khí	1.625.735.129	2.865.049.083
Công ty CP dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	24.745.213.896	26.115.176.072
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.855.642.773	1.855.642.773
Tổng công ty CN NL dầu khí Việt Nam	817.626.870	1.390.633.732
Tổng công ty dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí - CTCP	1.582.557.025	2.380.573.634
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	4.918.847.723	3.060.352.409
Phải trả		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.547.977.133	4.547.977.133
CN Thi công cơ giới Dầu khí - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.153.347.000	2.153.347.000
Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	3.789.252.044	3.116.738.211
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	1.662.377.747	1.662.377.747
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	38.697.559.434	35.317.838.101
Các khoản nhận ứng trước		
Ban điều hành dự án NM điện Vũng áng - TCTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	185.335.922.425	173.809.450.539
Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí Việt nam	11.959.160.353	4.959.160.353
Nợ dài hạn		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.243.479.775	3.243.479.775
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	72.780.434.336	73.726.475.229
- Vay dài hạn:	4.168.870.917	4.500.269.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 16.114.334.727 VND.

Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo này, phân trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này chưa được xác định cụ thể.

25. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và PVC, ngày 01 tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Lọc - Hóa dầu Bình Sơn đã tạm thời nhận bàn giao và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Dung Quất (Công ty con của Công ty). Giá trị chuyển nhượng được sẽ được các bên xác định trên cơ sở chứng thư thẩm giá do Công ty Cổ phần Thẩm định và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) thực hiện.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.



Phạm Châu Tứ
Giám đốc

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2013